

Số: /QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở: BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA 27 THÁNG 2 TỈNH SÓC TRĂNG.

Địa chỉ: Số 504, đường Lê Hồng Phong, Phường 3, thành Phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Giấy phép hoạt động số: **0419/ST-GPHĐ**.

Cấp ngày: 10 tháng 01 năm 2019; Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

Họ và tên người phụ trách chuyên môn: **HỒ QUANG HỒNG**.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt gồm 71 người và 17 nhân viên khác theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành, và thay thế Quyết định số 41/QĐ-SYT ngày 04/01/2024 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách người hành nghề khám, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Chánh Thanh tra Sở Y tế, các cơ quan liên quan; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người hành nghề nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh;
- Các cơ sở KBCB trong tỉnh;
- Đảng Công TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: TC-HC; NVYD.

Võ Quốc Trứ

DANH SÁCH NGƯỜI HÀNH NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT, ngày / 02 /2025 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
1	Tiêu Văn Hùng	00814/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
2	Doãn Minh Phú	000199/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
3	Thạch Ngọc Hân	001509/ST-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-	Cử nhân xét nghiệm	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700		
4	Bùi Thanh Quyền	001606/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
5	Hồ Quang Hồng	000175/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
6	Nguyễn Tri Quý	001508/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-	Bác sĩ	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1700;T60700-1100;T61300-1700		
7	Thạch Siêl	000021/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
8	Huỳnh Việt Khởi	001516/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
9	Huỳnh Quốc Trung	000010/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Bác sĩ	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
10	Huỳnh Thị Hồng Yến	003392/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
11	Nguyễn Thị Hoài Thương	001530/ST-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Cử nhân xét nghiệm	
12	Phan Công Tiến	03258/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Bác sĩ	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
13	Trần Lê Thảo Trang	006085/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
14	Đào Thị Trân	000140/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
15	Kiên Thị Hạnh	001525/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
16	Nguyễn Huỳnh Anh Thi	000128/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
17	Lý Hồng Quân	001517/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
18	Mai Hiếu Lễ	005768/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
19	Mai Thanh Nam	006107/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
20	Trần Thị Minh Đào	001603/ST-CCHN	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Kỹ thuật viên	
21	Mạc Thị My	005761/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
22	Nguyễn Thanh Duy	0002620/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
23	Trần Thị Trang Đài	000130/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
24	Quách Thị Kim Huê	000125/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
25	Quách Đắc Lợi	04836/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
26	Đặng Thị Thiên Anh	003046/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
27	Lý Hoàng Khánh	001512/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
28	Nguyễn Hoàng Hải	000150/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
29	Phạm Khuyên Em	001519/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
30	Nguyễn Ngọc Qui	003452/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo qui định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
31	Lý Bình Minh	001522/ST-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Cử nhân xét nghiệm	
32	Tô Thanh Tâm	001523/ST-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Cử nhân xét nghiệm	
33	Châu Doanh	000504/ST-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Cử nhân xét nghiệm	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
34	Đỗ Thị Ngọc Tuyền	001506/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui địuyền tại Thông tư L tịch số 26/2011/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2011 quy địuyền mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ siuyền, kỹ thuật y	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
35	Trương Thị Mỹ Nga	001528/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
36	Võ Minh Hào	0002596/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
37	Nguyễn Ngọc Phương	001501/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
38	Nguyễn Thị Bảo Ngân	001505/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
39	Trương Thị Thúy Vui	001494/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
40	Trần Kim Duyên	0003332/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
41	Dương Thị Yên	0002691/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
42	Huỳnh Thị Kim Ngân	000141/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
43	Ngô Như Huỳnh	005632/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
44	Son Thị Na Tha	01521/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
45	Nguyễn Thụy Hoàng Yến	05197/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Bác sĩ	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
46	Tri Thị Ánh Tuyết	05196/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
47	Dương Chánh Lợi	006103/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
48	Trương Khánh Nhường	000215/ST-GPHN	Phạm vi hành nghề quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
49	Đàm Tấn Hạng	000214/ST-GPHN	Phạm vi hành nghề quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
50	Võ Thị Ngọc Kính	000201/ST-GPHN	Phạm vi hành nghề quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
51	Nguyễn Trương Thanh Nhân	000202/ST-GPHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Bác sĩ	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
52	Lâm Kuol	000227/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
53	Đồ Thị Đa Lin	000242/ST-GPHN	Phạm vi hành nghề quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	
54	Võ Tường Duy	006260/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh Điều dưỡng theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Điều dưỡng viên	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
55	Lê Thanh Bình	000361/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
56	Lê Ngọc Hạnh	974/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Dược sỹ đại học	
57	Đào Trung Duy Khánh	958/CCHN-D-SYT-ST	Quầy thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Dược sỹ đại học	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
58	Ngô Văn Thành	887/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Dược sỹ đại học	
59	Khuru Vinh Phúc	37/ST-CCHND	Nhà thuốc, Quầy thuốc, Đại lý Bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Dược sỹ đại học	
60	Diệp Thùy Dương	1024/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Dược sỹ đại học	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
61	Võ Thị Tú Phương	001529/ST-CCHN	Theo qui định tại Quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 24/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Y sỹ	
62	Ngô Thị Thảo	005839/ST-CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo qui định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Y sỹ	
63	Ông Thị Kiều Linh	1057/ST-CCHND	Nhà thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Dược sỹ đại học	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
64	Nguyễn Kim Sang	1393/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Dược sỹ Cao đẳng	
65	Hồ Thị Hồng Cúc	884/CCHN-D-SYT-ST	Bán lẻ thuốc	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Dược sỹ đại học	
66	Tiền Hồng Thắm	52/ST-CCHND	Nhà thuốc, Quầy thuốc, Đại lý Bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Dược sỹ Cao đẳng	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
67	Nguyễn Thị Diệu Linh	04784/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
68	Trần Thị Trúc Linh	04571/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
69	Nguyễn Minh Cang	001545/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Tâm thần kinh	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-	Bác sĩ	

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí chuyên môn	Ghi chú
				1100;T61300-1700		
70	Tào Việt Khởi	001500/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Bác sĩ	
71	Liêu Thị Ngọc Ánh	000448/ST-GPHN	Phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700	Điều dưỡng viên	

2. Danh sách đăng ký người làm việc (bao gồm những người không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian hành nghề	Vị trí làm việc
1	Đặng Hoàng Mậu	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	TP. PTCHC-QT
2	Lê Đức Nguyên	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	PP. PTCHC-QT
3	Hà Quốc Lành	Kỹ sư	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Văn thư - PTCHC-QT
4	Hoàng Xuân Hiền	Tài xế	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Tài xế - PTCHC-QT
5	Nguyễn Hồng Loan	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kế toán - PP. PKHTC-KT
6	Trần Thị Hồng Đang	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kế toán - PKHTC-KT
7	Bùi Diễm	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kế toán - PKHTC-KT
8	Lương Cao Thị Phương Thúy	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kế toán - PKHTC-KT
9	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kế toán - PKHTC-KT
10	Nguyễn Thị Xuân Hương	Cử nhân (khác)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kế toán - PKHTC-KT
11	Nguyễn Thụy Kim Huỳnh Liễu	Dược sĩ cao đẳng	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Thủ quỹ - PKHTC-KT

12	Ngô Trịnh Thùy Lan	Kỹ sư	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	CNTT - PKHTC-KT
13	Lê Bảo Quốc	Kỹ sư	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	CNTT - PKHTC-KT
14	Nguyễn Thụy Kim Huỳnh Phương	CNDD	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	CNDD - TP. Phòng Điều dưỡng
15	Trần Lệ Thi	CNDD	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	CNDD - Tổ trưởng tổ KSNK (Phòng Điều dưỡng)
16	Huỳnh Minh Tùng	Kỹ sư (y sinh)	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	Kỹ sư (y sinh) - K. Dược - VTTTBYT
17	Trương Thúy Loan	DSTH	Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; Chiều từ 13 giờ đến 17 giờ	DSTH - K. Dược - VTTTBYT